

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 128/23-MT ngày 30/8/2024 của Công ty TNHH Yongsung Vina về việc giải trình, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất dụng cụ cần câu cá với công suất 700.000 sản phẩm/năm, tương đương 210 tấn/năm; gia công phụ kiện xe đạp - lắp ráp tâm trục các loại với công suất 30.000 cái/năm, tương đương 600 kg/năm; gia công đầu golf gậy sắt - thỏi mặt rãnh với công suất 300.000 cái/năm, tương đương 6.000 kg/năm; cho thuê nhà xưởng 3.680 m²”;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 57/TTr-BQL ngày 13/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Yongsung Vina (sau đây gọi là Công ty), địa chỉ: tại lô B2-A, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất dụng cụ cần câu cá với công suất 700.000 sản phẩm/năm, tương đương 210 tấn/năm; gia công phụ kiện xe đạp - lắp ráp tâm trục các loại với công suất 30.000 cái/năm, tương đương 600 kg/năm; gia công đầu golf gậy sắt - thỏi mặt rãnh với công suất 300.000 cái/năm, tương đương 6.000 kg/năm; cho thuê nhà xưởng 3.680 m²” (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư

Nhà máy sản xuất dụng cụ cần câu cá với công suất 700.000 sản phẩm/năm, tương đương 210 tấn/năm; gia công phụ kiện xe đạp - lắp ráp tâm trục các loại với

công suất 30.000 cái/năm, tương đương 600 kg/năm; gia công đầu golf gậy sắt - thỏi mặt rãnh với công suất 300.000 sản phẩm/năm, tương đương 6.000 kg/năm; cho thuê nhà xưởng 3.680 m².

1.2. Địa điểm hoạt động

Lô B2-A, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8788580530 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 12/3/2018, chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 07/6/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801168465 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2018, thay đổi lần thứ 6 ngày 04/5/2024.

1.4. Mã số thuế: 3801168465.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Sản xuất, gia công dụng cụ cần câu cá, phụ kiện xe đạp, đầu golf gậy sắt, cho thuê nhà xưởng dư thừa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô B2-A, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích thực hiện dự án 15.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Cần câu cá: 700.000 sản phẩm/năm (tương đương 210 tấn/năm).

+ Phụ kiện xe đạp - lắp ráp tâm trục các loại: 30.000 cái/năm (tương đương 600 kg/năm).

+ Đầu golf gậy sắt - thỏi mặt rãnh: 300.000 cái/năm (tương đương 6.000 kg/năm).

+ Cho thuê nhà xưởng dư thừa: 3.680 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Yongsung Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Yongsung Vina có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Từ ngày 19.. tháng 12.. năm 2024 đến ngày 19.. tháng 12.. năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu và sự phù hợp với các quy định pháp luật của đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án tại Tờ trình số 57/TTr-BQL ngày 13/9/2024.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Yongsung Vina;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND TX Chơn Thành;
- Công ty CP PTHKT Becamex - Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-27GP 17/9).



Trần Tuệ Hiền

Phụ lục 1.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...~~62~~.../GPMT-UBND
ngày 19/...9.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nước thải phát sinh của dự án và nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê lại nhà xưởng sau khi xử lý sơ bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

2. Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại các Văn bản: Hợp đồng thuê đất số 04/2018/HĐTD ngày 29/11/2018, Công văn số 171/CV-Becamex ngày 10/9/2024.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ dự án và nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê lại nhà xưởng bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của dự án khoảng 10,8 m³/ngày (24 giờ) và nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê lại nhà xưởng sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy với công suất 22 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nước thải sản xuất, bao gồm: nước thải phát sinh tại công đoạn cắt, mài, tiện, bào phát sinh khoảng 09 m³/3 tháng/lần và công đoạn phun sơn phát sinh khoảng 05 m³/tuần/lần (thời điểm xả nước thải công đoạn cắt, mài, tiện, bào không trùng với thời điểm xả nước thải của hệ thống xử lý khí thải) được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 12 m³/ngày để xử lý sơ bộ, sau đó, được tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy với công suất 22 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án và nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê lại nhà xưởng sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN

Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nổi nước thải: X = 1250535; Y = 541435 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh của Công ty TNHH Yongsung Vina và đơn vị thuê nhà xưởng): → Bể tự hoại → (1).

+ Nước thải sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 12 m³/ngày (Bể thu gom → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng) → (2).

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại (1), nước thải sản xuất sau xử lý sơ bộ (2) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- Công suất thiết kế: 22 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, polymer, chlorine.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- Nếu hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và điểm b khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 22 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 22 m³/ngày (24 giờ) (hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT	
			Cột A	Cột B
1	Lưu lượng		-	-
2	pH		-	5,5 - 9
3	BOD ₅	mg/l	-	50
4	COD	mg/l	-	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	-	100
6	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10
7	Tổng Phenol	mg/l	-	0,5
8	Tổng Nito	mg/l	-	40
9	Tổng photpho	mg/l	-	6
10	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	-	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 12 m³/ngày, 22 m³/ngày (24 giờ) phải đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2.**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...62.../GPMT-UBND
ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 01.
- Nguồn số 02: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 02.
- Nguồn số 03: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 03.
- Nguồn số 04: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 04.
- Nguồn số 05: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 05.
- Nguồn số 06: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 06.
- Nguồn số 07: Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn cắt, bào, mài, tiện ren và kiểm tra của quy trình sản xuất cần câu cá và bụi phát sinh từ công đoạn mài của quy trình gia công phụ kiện xe đạp - lắp ráp tâm trục các loại.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01 (Nguồn số 01, 02, 03)	1256425	540564
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02 (Nguồn số 04, 05, 06)	1252415	541537

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải, xả liên tục khi hoạt động (8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 1$; $k_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, ($k_p = 1$; $k_v = 1$)	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01, 02 (Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01, 02)					- Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ dự án). Đối với thông số acetone, propanol acetate, thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	
2	Bụi	mg/Nm ³	200	-	
3	Styren	mg/Nm ³		100	
4	Toluen	mg/Nm ³		750	
5	Xylene	mg/Nm ³		870	
6	n-Butanol	mg/Nm ³		360	
7	n- butyl acetate	mg/Nm ³		950	
8	Phenol	mg/Nm ³		19	
9	Acetone	mg/Nm ³		-	
10	Propanol acetate	mg/Nm ³		-	

Đối với các nguồn thải phát sinh không có dòng khí thải (nguồn số 07), phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01, 02, 03: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 01, 02, 03 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý.

- Nguồn số 04, 05, 06: Bụi sơn và hơi dung môi tại máy phun sơn số 04, 05, 06 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 để xử lý.

- Nguồn số 7: Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn cắt, bào, mài, tiện ren từ quy trình sản xuất cần câu cá và bụi phát sinh từ công đoạn mài của quy trình gia công phụ kiện xe đạp - lắp ráp tâm trục các loại được thu gom, xử lý bằng hệ thống phun nước, không có ống thoát khí (Không phát sinh dòng thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01, 02

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí (cao 10 mét, đường kính 200 mm).

- Công suất thiết kế: công suất 5.500 m³/giờ/hệ thống.

- Số lượng: 02 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống thu gom bụi kim loại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống phun nước → Bể chứa.

Nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 12 (24 giờ) m³/ngày để xử lý sơ bộ, sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 22 m³/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào KCN Becamex - Bình Phước.

Đối với cặn kim loại được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Số lượng: 12 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, đảm bảo độ ổn định của các hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và điểm b khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01 (dòng khí thải số 01), công suất 5.500 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02 (dòng khí thải số 02), công suất 5.500 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

02 vị trí, tương ứng với 02 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01, 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 1$, $k_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đối với các nguồn không phát sinh dòng thải: Đầu tư hệ thống thu gom bụi bằng hệ thống phun nước đồng bộ với máy móc, thiết bị gia công cơ khí (cắt, mài, bào, tiện); đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt quy chuẩn hiện hành.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...62.../GPMT-UBND
ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh tại khu vực sản xuất (công đoạn cắt, là, sấy, bào, mài, tiện ren).
- Nguồn số 02: Phát sinh tại 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 1): Tọa độ X = 1250512, Y = 541535;
 - Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 2): Tọa độ X = 1258420, Y = 541532;
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành; kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng; bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ...
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn; định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...62.../GPMT-UBND
ngày 19../9../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	50
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	60
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	KS	100
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	6.000
5	Ắc quy chì thải	16 06 01	NH	10
6	Hộp mực in thải	08 02 01	NH	30
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn (hộp sơn, keo thải)	18 01 02	KS	40
8	Cặn sơn, sơn và véc ni	08 01 01	KS	4
9	Than hoạt tính thải	12 01 04	NH	160
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 0 3	NH	30
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 12 m ³ /ngày.đêm và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 22m ³ /ngày.đêm	12 06 05	KS	1.878
Tổng khối lượng				8.362

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Gỗ vụn, bụi gỗ	09 01 03	TT-R	140
2	Phụ kiện vải hồng, lõi	10 02 10	TT-R	7.455
3	Phôi thải và bụi kim loại	07 03 13	TT	60
4	Giấy vụn, thùng carton	18 01 05	TT-R	100
5	Bùn từ bể tự hoại	12 06 10	TT	6120
Tổng khối lượng				13.875

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Phát sinh khoảng 64,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được chứa trong các thùng nhựa và các bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, có biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy...

Đối với bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp: được lưu chứa tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (bể chứa bùn), đảm bảo yêu cầu đối với khu vực lưu chứa chất thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu chứa trong các thùng nhựa và các bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn công nghiệp

thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích: 09 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, dán nhãn biển cảnh báo...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng rác chuyên dụng bằng nhựa đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích: 09 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, dán nhãn biển cảnh báo...

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...~~62~~.../GPMT-UBND
ngày 19/19/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.